

“LỰC SẢN XUẤT MỚI” TẠI TRUNG QUỐC: TÁC ĐỘNG LAN TỎA VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM

● NGUYỄN THỊ NHẬT THU

Trường Đại học Ngoại thương

Email: thunnn@ftu.edu.vn

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang tái cơ cấu hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững và trung hòa carbon, Trung Quốc đang đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi mô hình tăng trưởng thông qua việc phát triển "lực sản xuất mới", với trọng tâm là các ngành công nghệ cao, năng lượng xanh và xe điện (EV). Bài viết tập trung phân tích bản chất và động lực tăng trưởng của các ngành công nghiệp xanh tại Trung Quốc, đồng thời đánh giá những tác động đa chiều của xu hướng này đối với cấu trúc thương mại và đầu tư của Việt Nam. Thông qua việc tổng hợp các số liệu vĩ mô và phân tích diễn biến chuỗi cung ứng khu vực, nghiên cứu chỉ ra Việt Nam đang đứng trước áp lực cạnh tranh gay gắt từ làn sóng hàng hóa công nghệ xanh giá rẻ, nhưng đồng thời cũng đón nhận cơ hội thu hút dòng vốn FDI thể hệ mới và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Dựa trên các phát hiện đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao năng lực thích ứng và tận dụng cơ hội từ xu hướng chuyển dịch mới..

Từ khóa: lực sản xuất mới, năng lượng xanh, xe điện, EV, thương mại quốc tế, chuỗi cung ứng, quan hệ kinh tế Việt - Trung.

1. Đặt vấn đề

Nền kinh tế toàn cầu đang bước vào một giai đoạn chuyển đổi sâu sắc với sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ thân thiện với môi trường và cam kết giảm phát thải khí nhà kính từ các quốc gia. Trong bức tranh tái định hình chuỗi cung ứng đó, Trung Quốc nổi lên như một quốc gia tiên phong trong việc tái cơ cấu nền kinh tế. Đối mặt với những thách thức nội tại từ sự suy giảm của thị trường bất động sản truyền thống và áp lực cạnh tranh chiến lược từ các nước phương Tây, giới hoạch định chính sách Trung Quốc đã chính thức đưa ra khái niệm "lực sản xuất mới". Đây không chỉ là

một khẩu hiệu mang tính định hướng, mà là sự chuyển dịch thực tế dòng vốn và nguồn lực vào các ngành công nghiệp tiên phong, đặc biệt là năng lượng tái tạo (pin mặt trời, điện gió), hệ thống lưu trữ năng lượng và ngành công nghiệp xe điện (EV).

Sự bứt phá của Trung Quốc trong các lĩnh vực này đã tạo ra một "cú sốc cung" trên thị trường toàn cầu. Với lợi thế vượt trội về quy mô sản xuất, sự hoàn thiện của chuỗi cung ứng nội địa và các chính sách trợ cấp chiến lược, hàng hóa công nghệ xanh của Trung Quốc đang thống lĩnh thị trường quốc tế với mức giá cạnh tranh chưa từng có. Tuy nhiên, sự mở rộng này cũng

gặp phải các rào cản thương mại ngày càng gia tăng từ Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) dưới hình thức thuế quan trừng phạt và các đạo luật bảo hộ sản xuất trong nước. Đứng trước các hàng rào rủi ro này, dòng chảy thương mại và đầu tư của "lực sản xuất mới" từ Trung Quốc buộc phải tìm kiếm các thị trường thay thế và các điểm trung chuyển mới, trong đó Đông Nam Á nổi lên như một điểm đến chiến lược.

Đối với Việt Nam, một nền kinh tế có độ mở cao và có mối quan hệ thương mại song phương mật thiết với Trung Quốc, sự phát triển của lực lượng sản xuất mới này mang lại tác động kép, vừa trực tiếp vừa sâu rộng. Ở góc độ thương mại, thị trường nội địa Việt Nam đang chịu áp lực lớn trước sự thâm nhập của các sản phẩm xe điện và thiết bị năng lượng mặt trời giá rẻ, đe dọa trực tiếp đến thị phần của các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Ở góc độ đầu tư, Việt Nam đang chứng kiến sự dịch chuyển mạnh mẽ của dòng vốn FDI từ Trung Quốc hướng vào các khu công nghiệp phía Bắc và miền Trung, nhằm tận dụng lợi thế vị trí địa lý và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết, tạo ra mô hình "Trung Quốc + 1" phiên bản nâng cấp.

Xuất phát từ bối cảnh đó, bài viết được thực hiện nhằm giải quyết 3 mục tiêu nghiên cứu chính: (1) Phân tích thực trạng và động lực phát triển "lực sản xuất mới" (năng lượng xanh và xe điện) tại Trung Quốc hiện nay; (2) Đánh giá các tác động cơ bản của xu hướng này đến cán cân thương mại, cấu trúc FDI và chuỗi cung ứng của Việt Nam; và (3) Đề xuất các hàm ý chính sách từ góc độ quản lý vĩ mô nhằm bảo vệ sản xuất nội địa, đồng thời tối ưu hóa lợi ích từ làn sóng đầu tư mới. Việc nghiên cứu vấn đề này không chỉ có ý nghĩa cập nhật về mặt lý luận kinh tế quốc tế mà còn cung cấp những luận cứ thực tiễn cấp thiết, phục vụ quá trình hoạch định chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia trong giai đoạn hội nhập sâu rộng.

2. Thực trạng "Lực sản xuất mới" tại Trung Quốc

2.1. Động lực cấu trúc

Trong hơn 4 thập kỷ, tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc được duy trì dựa trên mô hình thâm dụng vốn, khai thác triệt để lợi thế nhân khẩu học và sự bùng nổ của thị trường bất động sản cùng đầu tư cơ sở hạ tầng (Lin, 2012). Tuy nhiên, mô hình này hiện đã bộc lộ những giới hạn cấu trúc nghiêm trọng. Tỷ lệ

đòn bẩy tài chính trong lĩnh vực bất động sản chạm ngưỡng rủi ro hệ thống, cộng hưởng với nợ tiềm ẩn của chính quyền địa phương (LGFVs), đã khiến động lực tăng trưởng truyền thống suy kiệt (Pettis, 2023). Bên cạnh đó, bối cảnh phân mảnh địa kinh tế và các lệnh trừng phạt công nghệ từ phương Tây đã thu hẹp không gian hội nhập của quốc gia này.

Để vượt qua "bẫy thu nhập trung bình" và thoát khỏi vòng vây phong tỏa công nghệ, Bắc Kinh buộc phải tiến hành một cuộc tái định hình hàm số sản xuất quốc gia. Tại Kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XIV (2024), khái niệm "Lực sản xuất mới" đã chính thức được luật hóa thành cương lĩnh hành động. Dưới lăng kính của Kinh tế học cơ cấu mới, đây là nỗ lực chuyển dịch từ tăng trưởng dựa trên tích lũy tư bản sang tăng trưởng nội sinh (Endogenous growth), lấy Đổi mới sáng tạo (Innovation), Công nghệ sâu (Deep tech) và Kinh tế xanh làm cốt lõi, nhằm gia tăng đột phá Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) (Naughton, 2024; Xinhuanet, 2024).

2.2. Chủ nghĩa tư bản nhà nước và sự thống trị của "Ba ngành hàng mới"

Sự dịch chuyển lực lượng sản xuất được minh chứng rõ nét qua sự thay đổi cấu trúc xuất khẩu. Nếu thặng dư thương mại trước đây phụ thuộc vào "3 ngành hàng truyền thống" (quần áo, đồ gia dụng, nội thất), thì nay vị thế chủ đạo thuộc về "Ba ngành hàng mới" là xe năng lượng mới (NEV), pin lithium-ion và thiết bị quang điện mặt trời (Gereffi & Sturgeon, 2023).

Thông qua các Quỹ hướng dẫn công nghiệp, cơ chế trợ giá nội địa và ưu đãi tín dụng/đất đai từ chính quyền địa phương, Trung Quốc đã kiến tạo một hệ sinh thái khép kín. Trong ngành xe điện, họ không chỉ chi phối khâu sản xuất đầu cuối mà còn thâm tóm chuỗi cung ứng thượng nguồn: từ quyền khai thác khoáng sản trọng yếu (lithium, niken, cobalt) đến công nghệ tinh chế và sản xuất cell pin (IEA, 2024). Việc nội địa hóa gần như toàn bộ chuỗi giá trị đã giúp các nhà sản xuất Trung Quốc đạt được Lợi thế kinh tế nhờ quy mô mở mức độ chưa từng có, đẩy chi phí biên xuống mức các đối thủ Âu - Mỹ khó theo kịp (Brandt et al., 2023).

2.3. Khủng hoảng dư thừa công suất (Overcapacity) và chiến lược "Đi ra quốc tế" (Go Global)

Áp lực thi đua hoàn thành chỉ tiêu GDP đã thúc đẩy chính quyền các địa phương đồng loạt triển khai

các gói tài trợ, dẫn đến hiện tượng đầu tư trùng lặp và phân tán nguồn lực. Hệ quả tất yếu là một cuộc khủng hoảng dư thừa công suất mang tính chu kỳ nhưng ở quy mô khổng lồ. Năng lực cung cấp của chuỗi sản xuất xanh nội địa đã vượt xa khả năng hấp thụ của thị trường tiêu dùng trong nước, vốn đang suy yếu do dư chấn từ bong bóng bất động sản và tỷ lệ thất nghiệp gia tăng (Huang, 2024).

Bảng 1. Sản lượng và khối lượng xuất khẩu xe năng lượng mới (NEV) của Trung Quốc (2021-2025)

Năm	Sản lượng NEV (Nghìn chiếc)	Tốc độ tăng trưởng sản xuất (%)	Xuất khẩu NEV (Nghìn chiếc)	Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu (%)
2020	1366	7,5	223	89,4
2021	3545	159,5	426	91
2022	7058	96,9	679	120
2023	9587	35,8	1203	77,6
2024	12888	34,4	1284	31,3
2025	16626	29	2615	23,7

Nguồn: Số liệu thống kê của Hiệp hội công nghiệp Ô tô Trung Quốc các năm 2020-2025

Bảng 1 minh chứng rõ sự bứt phá của ngành công nghiệp xe năng lượng mới (NEV) Trung Quốc khi sản lượng liên tục tăng gấp hơn 12 lần trong giai đoạn 2020-2025. Sau giai đoạn tăng trưởng bùng nổ cao điểm vào năm 2021 (tăng 159,5%), tốc độ gia tăng sản lượng từ năm 2023 đến 2025 đã có xu hướng hạ nhiệt rõ rệt, phản ánh dấu hiệu bão hòa và tình trạng dư thừa công suất tại thị trường nội địa. Để giải quyết áp lực này, Trung Quốc đã quyết liệt đẩy mạnh chiến lược xuất khẩu, đưa lượng NEV bán ra nước ngoài tăng trưởng mạnh, lên 2,6 triệu xe năm 2025. Đặc biệt, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu luôn duy trì ở mức rất cao trong giai đoạn 2020-2022 cho thấy nỗ lực chuyển hướng hàng hóa dư thừa ra thị trường quốc tế. Nhìn chung, sự tương phản giữa quy mô sản xuất và sức ép đẩy mạnh xuất khẩu là minh chứng rõ ràng cho hiệu ứng tràn (spillover effect) của "lực sản xuất mới" từ Trung Quốc ra toàn cầu.

Sự mất cân đối cung - cầu này dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường nội địa. Để tránh phá sản và duy trì dòng tiền, các tập đoàn sản xuất buộc phải kích hoạt chiến lược "Đi ra quốc tế" (Go Global), tạo làn sóng xuất khẩu ồ ạt để giải phóng công suất dư thừa ra. Động thái này tạo ra một cú sốc cung nghiêm trọng trong thương mại toàn cầu. Trong khi Mỹ và EU quyết liệt sử dụng các rào cản thuế quan ngặt nghèo để tự vệ, thì Đông Nam Á đang trở thành điểm đến lý tưởng tiếp nhận làn sóng này.

3. Tác động lan tỏa đến cấu trúc thương mại và đầu tư của Việt Nam

3.1. Rủi ro từ "cú sốc cung" và áp lực chèn lấn sản xuất nội địa

Hệ quả tất yếu từ sự dư thừa công suất của "Lực sản xuất mới" tại Trung Quốc là làn sóng xuất khẩu ồ ạt sang các thị trường có độ mở lớn và khoảng cách địa lý gần như Việt Nam. Sự đổ bộ của các sản phẩm quang điện, linh kiện điện gió và xe điện giá rẻ tạo ra một "cú sốc cung" trực tiếp.

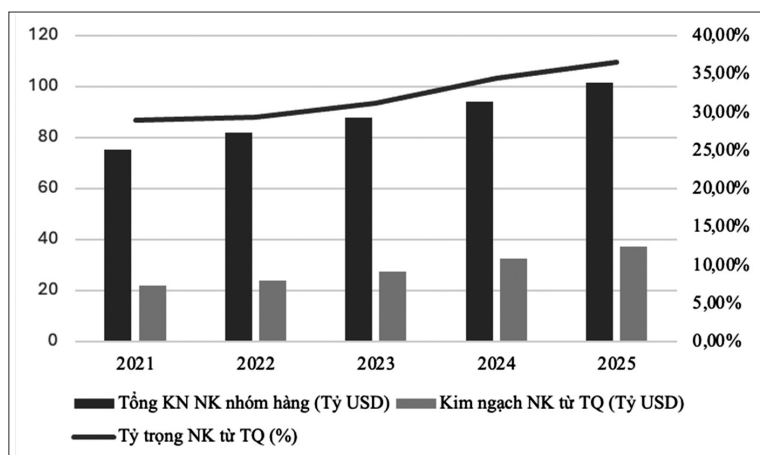
Ở góc độ vĩ mô, điều này làm trầm trọng thêm tình trạng thâm hụt thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc. Ở góc độ vi mô, sự chênh lệch quá lớn về giá thành sản xuất gây ra hiệu ứng chèn lấn (crowding-out effect), khiến các dự án sản xuất xe điện nội địa và công nghiệp phụ trợ năng lượng xanh của Việt Nam đối mặt với nguy cơ bị giảm thị phần (Nguyen & Tran, 2025).

Hình 1 thể hiện xu hướng tăng trưởng liên tục của cả tổng kim ngạch nhập khẩu và kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc trong giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý nhất là đường xu hướng tỷ trọng liên tục dốc lên qua từng năm, cho thấy tốc độ thâm nhập của hàng hóa Trung Quốc đang lấn át mức tăng chung của toàn ngành. Sự gia tăng tỷ trọng này phác họa trực quan áp lực "chèn lấn" thị phần ngày càng gay gắt tại thị trường nội địa và sự phụ thuộc sâu của Việt Nam vào chuỗi cung ứng từ thị trường tỷ dân.

3.2. Sự định hình lại chuỗi cung ứng thông qua làn sóng FDI thế hệ mới

Để lần tránh các rào cản phòng vệ thương mại từ các nước phương Tây, dòng vốn FDI từ Trung Quốc đang tích cực dịch chuyển sang Việt Nam theo mô hình "Trung Quốc + 1". Điểm khác biệt cốt lõi là

Hình 1: Tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng "Máy vi tính, sản phẩm điện tử, linh kiện" từ Trung Quốc vào Việt Nam (2021-2025)

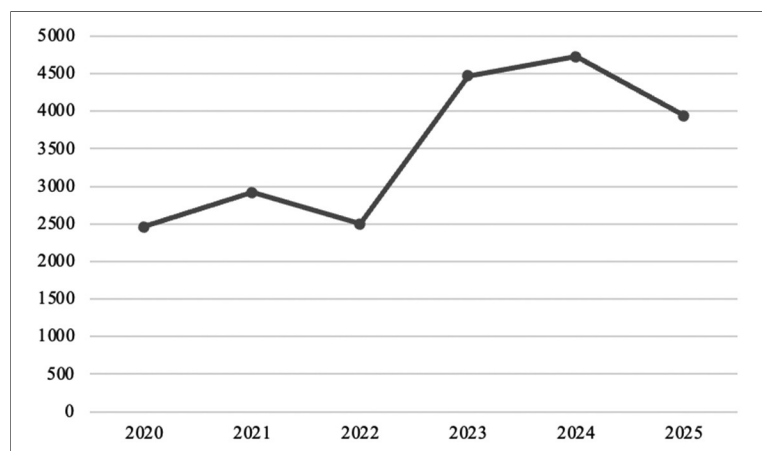


Nguồn: Báo cáo tình hình xuất nhập khẩu, Cục Hải quan Việt Nam

dòng vốn hiện nay không còn tập trung vào gia công thâm dụng lao động, mà chảy mạnh vào các ngành thuộc chuỗi giá trị của "Lực sản xuất mới" (sản xuất tấm pin mặt trời, linh kiện xe điện, thiết bị điện tử chính xác) (Bộ Tài chính, 2026).

Hình 2 minh chứng cho tốc độ gia tăng mạnh mẽ của dòng vốn này. Dù tạo ra Hiệu ứng lan tỏa về công nghệ và năng lực quản lý, sự phụ thuộc vào dòng vốn Trung Quốc cũng đặt Việt Nam trước rủi ro trở thành "điểm đến gia công" (assembly hub) hoặc đối mặt với các cuộc điều tra lẩn tránh thuế (anti-circumvention) từ Mỹ và EU (Wang, 2025).

Hình 2: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký mới từ Trung Quốc vào Việt Nam (2020-2025)



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Tài chính, 2026

4. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Đứng trước sự trỗi dậy mạnh mẽ và hiệu ứng dư thừa công suất của "Lực sản xuất mới" từ Trung Quốc, Việt Nam đang đứng trước tình trạng thực hiện các cam kết thuế của các hiệp định tự do thương mại (như ACFTA và RCEP) nên không thể áp dụng các biện pháp bảo hộ thuế quan truyền thống. Do đó, bài viết đề xuất một khung chính sách đa tầng, chuyển từ trạng thái "phòng ngự thụ động" sang "thích ứng chủ động".

4.1. Nâng cấp hệ thống Hàng rào kỹ thuật (TBT) và cơ chế phòng vệ thương mại "Xanh"

Thay vì sử dụng các công cụ chống bán phá giá dễ gây căng thẳng thương mại song phương, cơ quan quản lý cần thiết lập các màn lọc kỹ thuật tinh vi, hợp chuẩn WTO.

- Về tiêu chuẩn môi trường và an toàn: Cần áp dụng ngay các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về vòng đời sản phẩm, đặc biệt là quy định Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) đối với việc thu hồi và xử lý pin xe điện, tấm pin năng lượng mặt trời hết hạn. Đồng thời, thiết lập bộ tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia (TCVN) khắt khe đối với phần mềm, bảo mật dữ liệu và chuẩn sạc của các dòng xe NEV nhập khẩu.

- Về cơ chế định giá: Nghiên cứu áp dụng cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) phiên bản nội địa trong tương lai gần nhằm đánh thuế đối với các sản phẩm nhập khẩu có cường độ phát thải cao trong quá trình sản xuất, qua đó triệt tiêu lợi thế giá rẻ bất hợp lý của hàng hóa nhập khẩu và tạo sân chơi bình đẳng cho doanh nghiệp nội địa.

4.2. Chiến lược sàng lọc "FDI thế hệ mới" và kiểm soát rủi ro lẩn tránh thuế

Tư duy thu hút đầu tư cần dịch chuyển từ "cạnh tranh bằng ưu đãi thuế và lao động giá rẻ" sang "cạnh tranh bằng chuỗi giá trị".

- Ràng buộc chuyển giao công nghệ: Đối với làn sóng đầu tư vào năng lượng

xanh và linh kiện xe điện, các giấy phép FDI mới cần đi kèm với các điều kiện ràng buộc (performance requirements) về tỷ lệ R&D thực hiện tại Việt Nam và cam kết lộ trình chuyển giao công nghệ lõi.

- Kiểm soát quy tắc xuất xứ: Để tránh việc Việt Nam biến thành trạm trung chuyển nhằm lách thuế từ các thị trường Âu - Mỹ, hải quan và các cơ quan cấp phép cần siết chặt việc kiểm tra tỷ lệ nội địa hóa thực tế. Bất kỳ sự lơ là nào cũng có thể khiến toàn bộ ngành xuất khẩu vĩ mô của Việt Nam đối mặt với rủi ro bị áp thuế chống lẩn tránh từ các đối tác thương mại lớn.

4.3. Tối ưu hóa chuỗi cung ứng xuyên biên giới và thương mại biên giới

Sự trỗi dậy của công nghệ xanh không chỉ diễn ra ở các dự án lớn mà còn qua các kênh thương mại điện tử xuyên biên giới và thương mại đường bộ.

- Chính phủ cần đầu tư số hóa và nâng cấp hạ tầng logistics tại các cửa khẩu trọng điểm phía Bắc, ưu tiên thông quan nhanh cho các linh kiện điện tử, linh kiện xe điện phục vụ sản xuất.

- Song song đó, cần có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ luồng hàng hóa công nghệ thấp, thiết bị năng lượng mặt trời thanh lý (do dư thừa công suất) tràn qua biên giới dưới hình thức tiểu ngạch, ngăn chặn nguy cơ Việt Nam trở thành "bãi rác công nghệ" của khu vực.

4.4. Kiến tạo hệ sinh thái công nghiệp phụ trợ xanh nội địa

Để không bị chèn lấn, Nhà nước cần đóng vai trò "vốn môi" để khởi tạo năng lực cạnh tranh nội địa.

- Thiết lập các quỹ tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi đặc biệt dành riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) của Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng linh kiện xe điện cấp 2 và cấp 3.

- Khuyến khích hình thành các cụm liên kết ngành tại các vùng kinh tế trọng điểm miền Bắc và miền Trung, nơi các nhà đầu tư lớn từ Trung Quốc buộc phải kết nối và sử dụng chuỗi cung ứng vật tư của Việt Nam thay vì nhập khẩu 100% từ công ty mẹ, từ đó gia tăng tỷ suất lợi nhuận giữ lại cho nền kinh tế quốc gia.

5. Kết luận

Sự bứt phá của "Lực sản xuất mới" tại Trung Quốc, gắn liền với các ngành công nghệ xanh và hiệu ứng dư thừa công suất, đang tạo ra một "cú sốc cung" tái định hình mạnh mẽ dòng chảy thương mại và đầu tư toàn cầu. Nằm ở trung tâm của sự dịch chuyển này, Việt Nam đối mặt với tác động kép: vừa chịu áp lực "chèn lấn" thị phần từ làn sóng nhập khẩu hàng hóa giá rẻ, vừa đứng trước cơ hội để đón dòng vốn "FDI thế hệ mới" nhằm thu hẹp khoảng cách công nghệ. Để hóa giải thách thức và tận dụng tối đa cơ hội, Việt Nam buộc phải chuyển từ tư duy phòng vệ thụ động sang kiến tạo chủ động. Việc thiết lập khản trương các hàng rào kỹ thuật (TBT) xanh, sàng lọc nguồn vốn FDI gắn liền với lộ trình chuyển giao công nghệ lõi, và phát triển hệ sinh thái công nghiệp phụ trợ nội địa chính là chìa khóa then chốt để nền kinh tế xác lập vị thế tự chủ và vươn lên trong chuỗi giá trị toàn cầu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Tài chính. (2026). Báo cáo tổng kết tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2025.
- Bộ Tài chính (2026). Niên giám thống kê xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam 2025. Nhà xuất bản Thống kê.
- Xinhuanet. (2024). Toàn văn Báo cáo công tác Chính phủ Trung Quốc tại Kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XIV (Giải nghĩa thuật ngữ "Lực sản xuất mới"). <https://hdll.vn/vi/thong-tin-ly-luan---thuc-tien/toan-van-bao-cao-cong-tac-chinh-phu-trung-quoc-nam-2024-phan-1-va-2.html>
- Brandt, L., & Lim, K. (2023). State capitalism and the dynamics of China's industrial subsidies. *Journal of Asian Economics*, 88, Article 101620.
- China Association of Automobile Manufacturers. (2020–2025). Annual report on the development of China's new energy vehicle industry. CAAM Press.
- Gereffi, G., & Sturgeon, T. (2023). Global value chain-oriented industrial policy: The role of emerging economies. *Global Networks*, 23(1), 1-21.
- Huang, Y. (2024). Involution and overcapacity: The dual challenges of China's economic restructuring. *China Economic Review*, 79, Article 101955.

International Energy Agency - IEA (2024). Global EV outlook 2024: Scaling up the transition to electric mobility. IEA Publications.

International Energy Agency. (2025). Global EV outlook 2025: Managing the green supply chain transition. IEA Publications.

Lin, J. Y. (2012). New structural economics: A framework for rethinking development and policy. World Bank Publications, <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/991771468155733696>

Naughton, B. (2024). The transformation of China's industrial policy: From catch-up to innovation. Stanford University Press.

Nguyen, T. T., & Tran, H. M. (2025). Spillover or crowding-out? The dual impact of China's green FDI on Vietnam's supporting industries. *Asian Economic Journal*, 39(1), 112-135.

Pettis, M. (2023). The limits of China's investment-led growth model. Carnegie Endowment for International Peace: Macroeconomic Insights.

Wang, L. (2025). The “China Plus One” strategy and the risk of anti-circumvention tariffs in Southeast Asia. *Journal of International Trade Law and Policy*, 24(3), 205-220.

Ngày nhận bài: 8/5/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/5/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/6/2026

“NEW PRODUCTIVE FORCES” IN CHINA: SPILLOVER EFFECTS AND POLICY IMPLICATIONS FOR VIETNAM’S TRADE AND INVESTMENT

● **NGUYEN THI NHAT THU**

Foreign Trade University

Email: thun@ftu.edu.vn

ABSTRACT:

In the context of global economic restructuring toward sustainable development and carbon neutrality, China is accelerating its transition to a new growth model through the development of “new productive forces”, focusing on high-tech industries, green energy, and electric vehicles (EVs). This study analyzes the nature and driving forces of green industries in China and evaluates their multidimensional impacts on Vietnam’s trade and investment structure. Based on macroeconomic data and regional supply chain analysis, the study finds that Vietnam faces increasing competitive pressure from low-cost green technology products while also gaining opportunities to attract next-generation foreign direct investment (FDI) and deepen its participation in global value chains. Based on these findings, the paper proposes policy implications to enhance Vietnam’s adaptability and capacity to capitalize on this structural shift.

Keywords: new productive forces, green energy, electric vehicles, EV, international trade, supply chains, Vietnam - China economic relations.